

Bản án số 38/2025/HS-PT
Ngày 14 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Minh Hoàng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 01 năm 2024, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 473/2024/TLPT-HS ngày 02/10/2024 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2484/2024/QĐXXPT-HS ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: **Tăng Bá D**, sinh năm 1983, tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 130/03/01 **N - H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Tăng Bá C**, sinh năm 1952 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1953; bị cáo có vợ là **Võ Thị L**, sinh năm 1981; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Bá D theo yêu cầu của bị cáo:

1. Luật sư **Phạm Hữu Q**, thuộc **Công ty L6, Đoàn Luật sư tỉnh N**; địa chỉ liên hệ: **2 V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**, có mặt.

2. Luật sư **Vũ Minh T1**, thuộc **Văn phòng L7, Đoàn Luật sư tỉnh Q** (là Cộng tác viên của **Văn phòng L8**); địa chỉ: **A T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đỗ Văn K**, sinh năm 1976; trú tại: **H, K266 H, phường B, quận H, Thành phố Đà Nẵng**, vắng mặt.

2. Ông **Trần Đình T2**, sinh năm 1964; trú tại: **thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**, vắng mặt.

3. Bà **Trần Thị Diễm H**, sinh năm 1979; trú tại: **1 C, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.
4. Ông **Bùi Xuân H1**, sinh năm 1990; trú tại: **Căn hộ A, Tòa NO4A, Chung cư N, phường X, quận N, Thành phố Hà Nội**, vắng mặt.
5. Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1985; trú tại: **thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh**, vắng mặt.
6. Ông **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1977; trú tại: **C T, phường K, quận C, Thành phố Đà Nẵng**, vắng.
7. Ông **Nguyễn Đình T3**, sinh năm 1986; trú tại: **B T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, vắng mặt.
8. Ông **Nguyễn Hữu C1**, sinh năm 1979; trú tại: **Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**, vắng mặt.
9. Bà **Vũ Thị L2**, sinh năm 1981; trú tại: **1 N - H, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (PC03) **Công an tỉnh Q** tiến hành kiểm tra 02 container số hiệu CMAU 6564152 và GESU 6695851 đang lưu giữ tại **cảng K - C, huyện N, tỉnh Quảng Nam**, phát hiện bên trong 02 container chứa điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh, ti vi, màn hình ti vi, màn hình máy vi tính, máy tính xách tay, bếp ga, hàng gia dụng bằng sứ, thủy tinh...vv đã qua sử dụng. Theo bản khai sơ lược của đơn vị vận chuyển thì 02 container trên quá cảnh qua **lãnh thổ việt N2** để sang Lào là mặt hàng bình gồm sứ mới 100%, người gửi là **Công ty M**, địa chỉ: **1 O, Nhật Bản**; người nhận là **Công ty TNHH T5**, địa chỉ: **A N, Ban H3, huyện P, tỉnh Champasak, Lào**. đơn vị làm dịch vụ vận chuyển hàng quá cảnh là **Công ty TNHH T6 (địa chỉ: G N, quận C, Thành phố Đà Nẵng)**, hàng được vận chuyển từ Nhật Bản sang Lào quá cảnh qua **cảng K - C, huyện N, tỉnh Quảng Nam** và **cửa khẩu L9, tỉnh Quảng Trị**. Qua làm việc, **Đỗ Văn K** (Phó Giám đốc **Công ty TNHH T6**) khai được **Tăng Bá D (sinh năm 1983, nơi cư trú: E P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hộ khẩu thường trú: 130/3/1 N - H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh)** thuê thực hiện thủ tục quá cảnh hàng hóa, theo thông tin (*vận đơn*) do hãng tàu cung cấp thì hàng hóa trong 02 container nói trên là hàng gồm sứ mới 100%.

Tiếp đó ngày 08/6/2021 Container số hiệu FSCU8073213 cập **cảng K - C** thì bị lực lượng cảnh sát kinh tế **Công an tỉnh Q** kiểm tra phát hiện bên trong chứa hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng tại Nhật Bản, nhập dưới hình thức hàng quá cảnh do **Công ty TNHH T5 (Lào)** nhập khẩu qua lãnh thổ Việt Nam nên tạm giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai những người có liên quan và xác định hành vi trên của **Tăng Bá D** có dấu hiệu phạm tội “Buôn lậu” theo quy định tại Điều 188 Bộ luật Hình sự nên ngày 07/6/2021 đã ra Quyết định tạm giữ số 91/QĐ-CSKT và đã thực hiện tạm giữ

Tăng Bá D lúc 18h30 phút ngày 07/6/2021 tại Công an phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra xác định:

Lợi dụng việc hàng nhập khẩu từ Nhật Bản sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (gọi tắt là nước Lào) quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, Tăng Bá D liên hệ với các đối tượng là người Việt Nam đang sinh sống tại Nhật Bản gom hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng cũ (đã qua sử dụng) tại Nhật Bản bán cho D về tiêu thụ tại thị trường Việt Nam, các đối tượng thực hiện việc mua bán, xem hàng, trao đổi, thống nhất giá cả thông qua mạng xã hội Viber. Sau khi hai bên thống nhất giá cả mua bán lô hàng, D chuyển tiền mua hàng cho một đối tượng có mối quan hệ với đối tượng đang buôn bán hàng cũ tại Nhật Bản hiện đang sinh sống và cư trú tại Việt Nam, các đối tượng bên Nhật Bản hoàn tất các thủ tục mua bán, chuyển hàng đến địa chỉ của một Công ty có trụ sở tại nước Lào. Khi hàng hóa quá cảnh qua cảng K - C tỉnh Quảng Nam, lợi dụng chính sách hàng quá cảnh chỉ kiểm tra trên hệ thống thông tin điện tử và thủ tục, không kiểm tra trực tiếp lô hàng quá cảnh, các đối tượng khai báo hàng quá cảnh không đúng thực tế. Lô hàng vượt qua sự kiểm soát của Hải quan cửa khẩu K2 - Chu Lai dưới vỏ bọc hàng quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam khi vận chuyển đến khu vực xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, D thuê người cắt, báy bách container lấy toàn bộ hàng hóa chở về kho tại huyện B, tỉnh Bình Dương hoặc bán cho các đối tượng tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lấy xong hàng, container hàng tiếp tục được vận chuyển sang Lào nhằm hợp thức hóa thủ tục quá cảnh hàng hóa qua cửa khẩu L9 sang nước Lào và sau đó container quay lại cảng K - C, tỉnh Quảng Nam. D thuê một đối tượng tên H2 làm thủ tục quá cảnh hàng hóa.

Để thực hiện hành vi buôn lậu hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng cũ đã qua sử dụng tại Nhật Bản chuyển về Việt Nam tiêu thụ theo hình thức quá cảnh sang nước Lào, các đối tượng đã sử dụng pháp nhân bên Nhật là Công ty M1, địa chỉ: 1 O, Japan ký hợp đồng mua bán hàng với Công ty H4; địa chỉ: A group G, Ban H3, Pakse District Cham pasak P, Lao P.D.R quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ Việt Nam. Để làm rõ tư cách pháp nhân, chủ sở hữu, mối quan hệ và hoạt động mua bán hàng với Tăng Bá D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã tiến hành ủy thác tư pháp yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đối với Bộ Tư pháp Nhật Bản và Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thông qua Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã nhận được ủy thác tư pháp yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Bộ Tư pháp Nhật Bản, theo đó pháp nhân bên Nhật tên Công ty M1, địa chỉ: A, JAPAN không có đăng ký kinh doanh nên không có thông tin của Công ty này (Tờ bút lục 3.582 - 3.589).

Đối với hàng nhập khẩu, Tăng Bá D cho thành lập Công ty TNHH MTV T7 (địa chỉ: đường H, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; do ông Trần Đình T2 - cậu ruột của D làm Giám đốc) ký hợp đồng nhập khẩu hàng hóa từ Nhật Bản về Việt Nam tiêu thụ. Hàng hóa mua bán, giá cả được D thống nhất với các đối tượng buôn bán hàng cũ tại Nhật Bản thông qua mạng xã hội viber. Thủ tục khai báo hải quan, khai báo vận chuyển, hợp đồng mua bán...vv được các đối tượng hợp thức

hóa là hàng gồm sứ mới 100%, nhưng thực tế lô hàng này là hàng cũ đã qua sử dụng tại Nhật Bản.

từ tháng 10 năm 2020 đến khi bị bắt, **Tăng Bá D** đã nhập 09 container hàng lậu qua **cảng K - C**; trong đó: + 05 container đã vận chuyển ra khỏi khu vực hải quan **cửa khẩu K2 - C** và đã tiêu thụ xong số lượng hàng nhập lậu; + 03 container vừa nhập **cảng K - Chu Lai** thì bị **PC03 Công an tỉnh Q** phát hiện tạm giữ; + 01 container đã được **Chi cục Hải quan cảng K2** kiểm tra cho thông quan sau đó vận chuyển về kho của **Tăng Bá D** tại **huyện B, tỉnh Bình Dương** thì bị **PC03 Công an tỉnh Q** phát hiện và tiến hành khám xét, thu giữ hàng hóa nhập, cụ thể:

- Ngày 21/5/2021, **Tăng Bá D** sử dụng pháp nhân của **Công ty TNHH MTV T7** (địa chỉ: **đường H, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**; do ông **Trần Đình T2 - cậu ruột của D làm Giám đốc**) nhập lậu 01 container, số hiệu TCNU4167624 hàng gồm chén, bát, ly, đĩa bằng sứ các loại đã qua sử dụng thông qua **cảng K - C**; tuy nhiên, hồ sơ khai báo với **Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng K2** hàng hóa chứa trong container là bình trang trí bằng sứ, kích thước 24x6 cm, hàng mới 100%. Lô hàng trên đã được **Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng K2** kiểm tra và thông quan ngày 22/5/2021. Sau đó **D** thuê phương tiện vận chuyển hàng về kho tại **phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương**. **D** khai nhận phần lớn số hàng nhập lậu đã bán cho bà **Trần Thị Diễm H** (sinh ngày: 10/4/1979, trú tại: **Số G N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**) với số tiền 220.000.000 đồng, còn lại bán cho một số người khác với số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ tại cơ sở kinh doanh của bà **Trần Thị Diễm H** (địa chỉ: **G N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**) 87 thùng hàng là chén, bát, đĩa bằng sứ các loại.

- Ngày 31/5/2021 và ngày 08/6/2021, **Tăng Bá D** đã nhập lậu 03 container hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng đã qua sử dụng tại Nhật Bản dưới hình thức hàng quá cảnh do **Công ty TNHH T5**, có địa chỉ bên nước Lào nhập khẩu quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam. Trước đó **Tăng Bá D** đã thông qua đối tượng là người Việt Nam sinh sống tại Nhật Bản tên là **L3** thu gom hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng đã qua sử dụng tại Nhật Bản bán cho **D**, dưới vỏ bọc hàng quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam. **D** đã sử dụng điện thoại Iphone 11 ProMax liên lạc (gọi điện, nhắn tin) trao đổi với **L3** qua ứng dụng viber thống nhất **D** mua 03 (ba) container hàng cũ đã qua sử dụng ở Nhật Bản với số tiền là 1.966.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm sáu sáu triệu đồng). **D** chuyển tiền cho **L3** qua tài khoản số 101800559789 của **Nguyễn Thị L1** (trú tại **huyện V, tỉnh Quảng Ninh**) mở tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần C2 chi nhánh V2, tỉnh Quảng Ninh**. Tiến hành sao kê tài khoản **Nguyễn Thị L1** tại **Ngân hàng TMCP C2 chi nhánh V2** xác định từ ngày 23/3/2021 đến ngày 25/5/2021 **D** đã nhiều lần chuyển cho **Nguyễn Thị L1** với tổng số tiền 1.966.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm sáu sáu triệu đồng). Sau khi thống nhất việc mua bán, đối tượng tên **L3** đã làm thủ tục chuyển 03 container hàng có số hiệu CMAU6564152, FSCU8073213, FSCU8373186 quá cảnh sang nước **Lào qua cảng K - C, tỉnh Quảng Nam**, cụ thể:

+ Container hàng có số hiệu CMAU6564152 chứa hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng đã qua sử dụng tại Nhật Bản dưới hình thức hàng quá cảnh do **Công ty**

TNHH T5 (Lào) nhập khẩu qua lãnh thổ Việt Nam. D nhắn tin trao đổi với L3 qua tin nhắn Viber thống nhất việc mua bán. Container này cập cảng K - Chu Lai ngày 31/5/2021, đến ngày 01/6/2021 container này bị lực lượng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Q kiểm tra, tạm giữ.

+ Container hàng có số hiệu FSCU8073213 chứa hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng tại Nhật Bản dưới hình thức hàng quá cảnh do Công ty TNHH T5 (Lào) nhập khẩu qua lãnh thổ Việt Nam. D nhắn tin trao đổi với L3 qua tin nhắn viber thống nhất việc mua bán. Container này cập cảng K - Chu Lai ngày 08/6/2021 thì bị lực lượng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Q kiểm tra, tạm giữ.

+ Container hàng có số hiệu FSCU8373186 chứa hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng tại N dưới hình thức hàng quá cảnh do Công ty TNHH T5 (Lào) nhập khẩu qua lãnh thổ Việt Nam, D nhắn tin trao đổi với L3 qua tin nhắn viber thống nhất việc mua bán, container này cập cảng K - Chu Lai ngày 26/5/2021. Tăng Bá D khai nhận khi lô hàng này đến địa phận huyện C, tỉnh Quảng Trị thì D thuê người mại, cắt, báy chốt container để lấy hàng, nhưng do container này khó cạy và không đảm bảo thời gian quá cảnh qua cửa khẩu L9 theo quy định nên D không lấy được hàng hóa bên trong mà cho container này qua cửa khẩu L9, nhập khẩu vào Lào, lô hàng này chưa quay lại Việt Nam thì D bị bắt giữ nên không rõ hiện lô hàng đang ở đâu. Ngày 29/7/2022 Chi cục Hải quan cửa khẩu L9, tỉnh Quảng Trị có Công văn số 861/HQLB xác định container số hiệu SCU8373186 thực xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua Lào lúc 11 giờ 07 phút ngày 27/5/2021, chưa có thông tin để xác định container đã quay trở lại Việt Nam hay chưa.

- Tăng Bá D liên hệ với đối tượng tên V để nhập lậu 01 container có số hiệu GESU6695851 hàng gia dụng đã qua sử dụng tại Nhật Bản dưới hình thức hàng quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam do Công ty TNHH T5 (Lào) nhập khẩu. D nhắn tin trao đổi với V qua tin nhắn viber thống nhất việc mua bán, tuy nhiên lô hàng này giá trị thấp nên D và V chưa thống nhất giá cả. Container này cập cảng K - Chu Lai ngày 31/5/2021, đến ngày 01/6/2021 bị Cảnh sát kinh tế Q1 kiểm tra, tạm giữ.

Trong quá trình điều tra Tăng Bá D khai với phương thức, thủ đoạn như trên, từ đầu năm 2020 đến khi bị bắt D đã nhiều lần mua hàng điện lạnh, điện tử, đồ gia dụng đã qua sử dụng của đối tượng tên T4 và vợ là Đỗ Tuyết N (là những người Việt Nam đang làm nghề buôn bán hàng cũ tại Nhật Bản) về bán cho các đối tượng buôn bán hàng Nhật Bản cũ tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Qua dữ liệu điện tử trích sao trong máy điện thoại Iphone 11 ProMax của D, tài liệu trích sao tài khoản của D tại các Ngân hàng, lời khai của các đối tượng mua hàng xác định lời khai của D là có cơ sở. Tuy nhiên, D không khai rõ và Cơ quan điều tra không chứng minh được số hàng này quá cảnh thời gian nào, cảng biển nào, cụ thể chủng loại hàng, giá trị, hồ sơ quá cảnh, cách thức thực hiện hành vi đối với từng lô hàng, không thu được hàng hóa là vật chứng của vụ án nên chưa đủ căn cứ xử lý.

Theo Kết luận định giá tài sản số 1523/KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Nam xác định giá trị hàng hóa của 03 container quá cảnh hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng cũ đã qua

sử dụng tại Nhật Bản của **Tăng Bá D** mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ là 950.325.000 đồng (*chín trăm năm mươi triệu, ba trăm hai lăm nghìn đồng*). Kết luận định giá tài sản số 2091/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam xác định giá trị hàng hóa còn lại trong 01 container nhập khẩu với số lượng 4.138,5 kg tạm giữ tại cơ sở kinh doanh của bà **Trần Thị Diễm H** là 186.232.500 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Kết quả điều tra đến nay xác định **Tăng Bá D** đã thực hiện hành vi buôn lậu 04 container hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, chén, bát, đĩa bằng sứ các loại, tổng giá trị hàng buôn lậu bị phát hiện thu giữ là 1.136.557.500 đồng (*một tỷ, một trăm ba sáu triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), chưa kê số hàng hóa mà **Tăng Bá D** đã bán trực tiếp cho khách hàng trước đó.

* Về vật chứng thu giữ:

- Tạm giữ của **Tăng Bá D**: số tiền 9.612.000 đồng (*chín triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng*); 01 giấy nhận nợ có chữ ký của **Trần Thị Diễm H**; 01 hóa đơn thanh toán số 2104190012; 01 phiếu thu của **Văn phòng L8**; 01 giấy đảm bảo vàng tốt đúng tuổi; 01 hóa đơn thanh toán số 0032; 01 thẻ trang tin điện tử số 00313 của trang thông tin điện tử kinh tế plus; 01 thẻ visa Vietcombank của **Tăng Bá D**; 01 giấy biên nhận thế chấp đối với xe ô tô 51H- 35816; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 51H- 35816 (*đã hết thời hạn*); 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của **Tăng Bá D**; 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mercedes-Benz C300, biển kiểm soát 51H-35816; 03 (ba) điện thoại di động Iphone; 01 (một) điện thoại **N1** đã qua sử dụng; 01 (một) sim điện thoại **V3** (*đã được niêm phong theo quy định*).

+ 40 (bốn mươi) cục nóng; 24 (hai mươi bốn) cục lạnh máy điều hòa nhiệt độ đã qua sử dụng, bên ngoài trầy xước và 01 thùng chén, bát, đĩa (đã bể nát) trọng lượng 23,8kg đã được niêm phong tại kho chứa hàng của **Tăng Bá D** tại **tổ D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương** nhưng không có hóa đơn chứng từ.

+ hàng hóa trong 03 container quá cảnh có số hiệu FSCU8073213, CMAU6544152, GESU6695851, gồm:

1. Cục lạnh máy điều hòa nhiệt độ (đã qua sử dụng): 577 cái;
2. Cục nóng máy điều hòa nhiệt độ (đã qua sử dụng): 574 cái;
3. Máy lọc không khí (đã qua sử dụng): 154 cái;
4. Máy quạt (đã qua sử dụng): 39 cái;
5. Bếp ga (đã qua sử dụng): 179 cái;
6. Tủ lạnh: 36 cái;
7. Ti vi, màn hình ti vi, máy tính bản, màn hình máy vi tính: 52 cái;
8. Đồ gốm, sứ gồm chén, bát, đĩa, bình bông đã qua sử dụng: 6.543 kg.

+ Hàng hóa còn lại trong container nhập khẩu có số hiệu TCNU4167624 được thu giữ được tại cơ sở kinh doanh của bà **Trần Thị Diễm H** là 87 thùng hàng gồm: chén, bát, đĩa các loại đã qua sử dụng có trọng lượng 4.138,5 kg.

- Tạm giữ của **Đỗ Văn K**: 01 (một) con dấu của **Công ty TNHH MTV T7**; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone đã qua sử dụng (*đã được niêm phong theo quy định*).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 20/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo **Tăng Bá D** phạm tội “Buôn lậu”, xử phạt bị cáo **Tăng Bá D** 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 08/6/2021.

Phạt bổ sung bị cáo **Tăng Bá D** số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 9.612.000 đồng (chín triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng) của bị cáo **Tăng Bá D** để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo **D** (số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 39490904639300000 của Phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Q mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q theo giấy nộp tiền ngày 23/11/2021).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 giấy nhận nợ có chữ ký của **Trần Thị Diễm H**; 01 hóa đơn thanh toán số 2104190012; 01 phiếu thu của **Văn phòng L8**; 01 giấy đảm bảo vàng tốt đúng tuổi; 01 hóa đơn thanh toán số 0032; 01 thẻ trang tin điện tử số 00313 của trang thông tin điện tử kinh tế plus; 01 giấy biên nhận thế chấp đối với xe ô tô 51H- 35816 (đã giải chấp trong quá trình giải quyết vụ án); 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 51H- 35816; 01 (một) sim điện thoại Viettel và 01 (một) con dấu.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone màu xanh của bị cáo **Tăng Bá D**.

- Trả lại cho bị cáo **Tăng Bá D** 01 (một) điện thoại N1 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu hồng và 01 (một) điện thoại (được đóng 05 dấu niêm phong) của bị cáo **Tăng Bá D** nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo **D**.

- Trả lại cho bị cáo **Tăng Bá D**: 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên **Tăng Bá D**; 01 thẻ V của **Tăng Bá D**.

- Trả lại cho ông **Đỗ Văn K**: 01 (một) điện thoại di động Iphone đã qua sử dụng thu giữ của **Đỗ Văn K**.

(Các vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo các Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/11/2022 và ngày 06/7/2023).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước các vật phạm pháp gồm:

+ 40 (bốn mươi) cục nóng; 24 (hai mươi bốn) cục lạnh máy điều hòa nhiệt độ đã qua sử dụng, bên ngoài trầy xước và 01 thùng chén, bát, đĩa (đã bể nát) trọng lượng 23,8kg đã được niêm phong tại kho chứa hàng của **Tăng Bá D** tại **tổ D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương** nhưng không có hóa đơn chứng từ.

+ hàng hóa trong 03 container quá cảnh có số hiệu FSCU8073213, CMAU6544152, GESU6695851, gồm:

1. Cục lạnh máy điều hòa nhiệt độ (đã qua sử dụng): 577 cái;

2. Cốc nóng máy điều hòa nhiệt độ (đã qua sử dụng): 574 cái;

3. Máy lọc không khí (đã qua sử dụng): 154 cái;

4. Máy quạt (đã qua sử dụng): 39 cái;

5. Bếp ga (đã qua sử dụng): 179 cái;

6. Tủ lạnh: 36 cái;

7. Tivi, màn hình tivi, máy tính bàn, màn hình máy vi tính: 52 cái;

8. Đồ gốm, sứ gồm chén, bát, đĩa, bình bông đã qua sử dụng: 6.543 kg.

+ Hàng hóa còn lại trong container nhập khẩu có số hiệu TCNU4167624 được thu giữ được tại cơ sở kinh doanh của bà **Trần Thị Diễm H** là 87 thùng hàng gồm: chén, bát, đĩa các loại đã qua sử dụng có trọng lượng 4.138,5 kg.

(Các vật chứng nêu trên hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng của **Công an tỉnh Q**).

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng đối với bị cáo **Tăng Bá D**.

3. Bị cáo **Tăng Bá D** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo **Tăng Bá D** kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **D** giữ nguyên kháng cáo kêu oan.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Tăng Bá D** vẫn tiếp tục khai nại đối với 03 container hàng quá cảnh có số hiệu CMAU6564152, FSCU8073213, GESU6695851 mà PC03 **Công an tỉnh Q** kiểm tra, tạm giữ tại **cảng K** - Chu Lai không phải là các container của bị cáo **D**; hồ sơ vụ án thể hiện người đứng tên vận đơn và người nhận hàng không phải **Tăng Bá D** hoặc **Công ty TNHH T7** nên việc Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát quy buộc bị cáo **D** buôn lậu đối với 03 container nêu trên là không có cơ sở. Đối với 87 thùng hàng mà Cơ quan điều tra tạm giữ tại cửa hàng của bà **Trần Thị Diễm H** là hàng bị cáo đi thu mua hàng lỗi ở tỉnh Bình Dương về bán lại cho bà **H**, không có căn cứ xác định đó là hàng trong Container nhập khẩu số hiệu TCNU4167624 tại **cảng K - C**, mặt khác hàng hóa trên container nhập khẩu số hiệu TCNU4167624 đã được Chi cục Hải quan kiểm hóa và thông quan nên không thể quy buộc hàng trong container này là hàng cũ đã qua sử dụng do bị cáo **D** nhập lậu vào Việt Nam. Ngoài ra, bị cáo **Tăng Bá D** còn khai nại rằng

bị cáo **D** để số tiền 3,2 tỷ đồng trong cốp xe ô tô Biển kiểm soát 51H-35816, Điều tra viên khi thu giữ xe ô tô không lập biên bản thu giữ số tiền này mà tự ý chiếm đoạt nên đề nghị Hội đồng xét xử phân định rõ vấn đề này.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo đối với 03 container hàng nhập lậu dưới hình thức quá cảnh vào các ngày 31/5/2021 và ngày 08/6/2021 đã bị PC03 **Công an tỉnh Q** kiểm tra và tạm giữ tại **cảng K**-Chu Lai gồm container số hiệu CMAU6564152 chứa hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng tại Nhật Bản; container số hiệu FSCU8073213, chứa hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng tại Nhật Bản và container số hiệu GESU6695851, hàng gia dụng đã qua sử dụng tại Nhật Bản. Ba (03) container trên nhập lậu dưới hình thức hàng quá cảnh qua lãnh thổ **Việt Nam (qua cảng K - C, Quảng Nam) để sang Lào**; người gửi là **Công ty M**, địa chỉ: **1 O, Nhật Bản**; người nhận là **Công ty TNHH T5**, địa chỉ: **A N, Ban H3, huyện P, tỉnh Champasak, Lào**; đơn vị làm vận chuyển hàng quá cảnh là **Công ty TNHH T6** (địa chỉ tại thành phố Đà Nẵng). Ngày 03/6/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** có công văn 337/CV-CSKT đề nghị **Bộ C3** cung cấp thông tin về việc cho phép quá cảnh hàng hóa đã qua sử dụng là điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, chén, bát, đĩa bằng sứ các loại qua lãnh thổ nước Việt Nam hay không, **Bộ C3** có văn bản trả lời là không cấp phép cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào quá cảnh các loại hàng hóa đã qua sử dụng nêu trên. Xét kháng cáo cũng như khai nại tại phiên tòa bị cáo **Tăng Bá D** cho rằng không có căn cứ để quy kết 3 container hàng này của bị cáo **D**, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** đã nhận được ủy thác tư pháp yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Bộ Tư pháp Nhật Bản cho biết pháp nhân bên **N** có tên **Công ty M1**, địa chỉ: **A, JAPAN** không có đăng ký kinh doanh nên không có thông tin của Công ty này (bút lục: 3.582 - 3.589). **Đỗ Văn K** (Phó giám đốc **Công ty TNHH T6**) tại Biên bản ghi lời khai và Bản tự khai vào các ngày 01/6/2021, 02/6/2021, 03/6/2021 (bút lục 121 - 130) **K** khẳng định số hiệu các container mà cơ quan Công an bắt giữ tại **cảng K - C** chính là các container mà **Tăng Bá D** đã yêu cầu **K** làm thủ tục quá cảnh sang Lào, **D** trao đổi với **K** để làm thủ tục hải quan các container hàng này là hàng gốm, sứ mới nhưng khi cơ quan Công an phát hiện tạm giữ tại **cảng K - Chu Lai** qua kiểm tra hàng trong các container này có sự chứng kiến của **K** thì toàn bộ là hàng điện tử đã qua sử dụng.

[2.2] Tại Bản trình bày do **Tăng Bá D** tự viết ngày 01/7/2021 (bút lục 67) **D** ghi: “Tôi bị khởi tố về hành vi buôn lậu là đúng pháp luật. Tôi tường trình việc buôn lậu như sau: Tôi nhờ cậu tôi mở công ty nhập hàng về với hình thức quá cảnh sang Lào, trên đường đi Lào dừng nghỉ bãi đậu xe, thấy tình trạng công nào cũ mở bách cửa được thì làm việc để hàng lại Việt Nam, công mới thì tôi cho quá cảnh sang Lào rồi nhờ dịch vụ vận chuyển ngược về lại Việt Nam tiêu thụ. Số hàng hóa tôi vận chuyển về là hàng máy lạnh, tủ lạnh, quạt, nồi cơm điện, chén bát, bình bông mới cũ đã qua sử dụng. Tôi chuyển 6 container trong đó có 1 công nhập khẩu hàng gốm sứ, còn 5 công quá cảnh và đem về tiêu thụ tại Việt Nam, còn 2 công bị tạm giữ tại **cảng K - C Quảng Nam**. Tôi nhận thức rõ việc mua hàng cũ về tiêu thụ tại Việt Nam là vi phạm pháp luật. Tôi xin cam đoan những gì tôi trình bày là đúng nên có gì sai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”. Biên bản hỏi cung

Tăng Bá D lúc 13h30 ngày 08/6/2021 tại **Công an tỉnh Q** (bút lục 74,75): Hỏi: Lô hàng thông quan ngày 22/5/2021 anh thanh toán cho người bán bên Nhật bao nhiêu tiền; Đáp: Lô hàng này tôi mua bên **N** với số tiền thỏa thuận 1 triệu Yên (tương đương 200 triệu đồng). Người bán hàng bên **N** tên là **T4** trước đây buôn bán bên Campuchia tôi quen với **T4**. Lô hàng này Tôi vận chuyển về Bình Dương bán cho **H**. Hàng hóa theo tờ khai Hải quan là **B** trang trí bằng sứ, thực tế thì hàng hóa là chén, bát, đĩa, ly bình bông các loại. Lô hàng mà cơ quan Công an tạm giữ trong 2 containo số hiệu CMAU 6564152 và số GESU 6695851 lưu giữ tại **cảng C** là hàng điện lạnh, điện tử là của tôi, còn hàng gốm sứ là của **Công ty TNHH T5** (Lào). Sau khi lô hàng qua Lào thì tôi thuê người vận chuyển quay lại Việt Nam thông qua đường mòn, lối mở và sau đó bán cho **Nguyễn Tấn L4** ở thành phố Hồ Chí Minh và **Bùi Xuân H1** ở Hà Nội. Ngoài 2 containo bị tạm giữ ngày 02/6/2024 tại **cảng C** thì ngày 26/5/2021 tôi cũng lợi dụng hàng quá cảnh của **Công ty TNHH T5** để nhập hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng về tiêu thụ tại Việt Nam, tuy nhiên, hàng hiện nay còn ở bên Lào, tôi chưa thuê người vận chuyển về Việt Nam.

[2.3] Trích xuất dữ liệu điện tử trên điện thoại Iphone 11 ProMax thu giữ của bị cáo **Tăng Bá D** thể hiện để mua 03 container số hiệu CMAU6564152, FSCU8073213, GESU6695851 bị cáo **D** đã sử dụng điện thoại Iphone 11 ProMax liên lạc với người tên **L3** (*bằng hình thức nhắn tin, gọi điện*) để thống nhất mua 03 container hàng cũ đã qua sử dụng ở Nhật Bản với số tiền là 1.966.000.000 đồng. **D** chuyển tiền cho **L3** qua tài khoản số 101800559789 của **Nguyễn Thị L1** (trú tại **huyện V, tỉnh Quảng Ninh**) mở tại **Ngân hàng TMCP C2 chi nhánh V2**. Tiến hành sao kê tài khoản **Nguyễn Thị L1** tại **Ngân hàng TMCP C2 chi nhánh V2** xác định từ ngày 23/3/2021 đến ngày 25/5/2021, **D** đã nhiều lần chuyển cho **Nguyễn Thị L1** với tổng số tiền 1.966.000.000 đồng. Sau khi thống nhất việc mua bán, đối tượng tên **L3** đã làm thủ tục chuyển 03 container hàng có số hiệu CMAU6564152, FSCU8073213, ESU6695851 quá cảnh sang nước **Lào qua cảng K - C, tỉnh Quảng Nam**, cụ thể từ bút lục 1.284 - 1.310, **D** trao đổi qua Viber với người có địa chỉ lưu trong điện thoại của **D** là “*Em Ne*”; từ bút lục 1.346 - 1.353, 2.450 - 2.466, **D** trao đổi qua Viber với người có địa chỉ lưu trong điện thoại của **D** là “*Thanh Long Japan*”; từ bút lục 1.339 - 1.345 **D** trao đổi qua Viber với người có địa chỉ lưu trong điện thoại của **D** là với “*L5 nguyen I*”; từ bút lục 563 - 654 **D** trao đổi mua hàng, thanh toán tiền với nhiều đối tượng khác nhau; bút lục 640 thể hiện **D** nhắn tin **V1** với người có địa chỉ lưu trong điện thoại của **D** là “*Khanh Cty Da Nang*” (số điện thoại là 0905.323.789) các nội dung liên quan đến việc nhập các container hàng về Việt Nam, trong đó “*Khanh Cty Da Nang*” đã nhắn qua Viber cho **D** vào ngày 31/5/2021 nội dung thông tin của 03 container hàng về **cảng K - Chu Lai** ngày 31/5 và ngày 8/6 gồm các container có số hiệu CMAU6564152, FSCU8073213, số hiệu GESU6695851. Ban đầu 03 container hàng quá cảnh số hiệu CMAU6564152, FSCU8073213, GESU6695851 được bị cáo **Tăng Bá D** sử dụng pháp nhân **Công ty TNHH T7** để thực hiện việc khai báo quá cảnh hàng hóa; tuy nhiên, ngày 28/5/2021 do lo sợ bị phát hiện nên bị cáo **D** đã nhắn tin **V1** với “*Em ne*”, “*Thanh Long Japan*” nội dung: “*Yêu cầu thay đổi Công ty T8 Đổ thay cho Trương Nhật T3 thực hiện khai báo hàng quá cảnh hàng hóa, lý do có biến, gọi*

công chậm lại một tuần để xử lý việc khó... ”. Lời khai của bà Nguyễn Thị L1 (bút lục 160 - 162) cho biết người đàn ông tên L3 hiện đang sinh sống tại Nhật Bản có mối quan hệ quen biết với bà L1, vào tháng 3/2021 anh L3 có liên hệ xin số tài khoản 101800559789 của L1 tại Ngân hàng TMCP C2 để bạn của L3 chuyển tiền và nhờ bà L1 nhận giúp số tiền này (tổng cộng 1.966.000.000 đồng), bà L1 không quen biết với bị cáo D và chưa gặp D lần nào. Sao kê tài khoản của bị cáo D thể hiện có việc D chuyển tiền cho L1 như lời khai của L1, nội dung chuyển tiền: “D chuyển tiền cho L3”.

Với các tài liệu, chứng cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét đủ căn cứ xác định 03 container hàng số hiệu CMAU6564152, FSCU8073213, GESU6695851 mà PC03 Công an tỉnh Q kiểm tra và tạm giữ tại cảng K-Chu Lai các ngày 01/6/2021 và 08/6/2021 là của bị cáo Tăng Bá D nhập lậu dưới hình thức hàng quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam (qua cảng K - C, Quảng Nam) để sang Lào nên không chấp nhận khai nại này của bị cáo Tăng Bá D.

[3] Xét kháng cáo, khai nại của bị cáo Tăng Bá D tại phiên tòa cho rằng 87 thùng hàng mà Cơ quan điều tra tạm giữ tại cửa hàng của bà Trần Thị Diễm H là hàng bị cáo đi thu mua hàng lỗi ở tỉnh Bình Dương về bán lại cho bà H, không có căn cứ xác định đó là hàng trong Container nhập khẩu số hiệu TCNU4167624 tại cảng K - C, mặt khác hàng hóa trên container nhập khẩu số hiệu TCNU4167624 đã được Chi cục Hải quan kiểm hóa và thông quan là hàng mới đúng như tờ khai nên không thể quy buộc hàng trong container này là hàng cũ đã qua sử dụng do bị cáo D nhập lậu vào Việt Nam, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Container hàng nhập khẩu số hiệu TCNU4167624 được D sử dụng pháp nhân Công ty TNHH MTV T7 (địa chỉ đường H, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; do ông Trần Đình T2 - cậu ruột của D làm Giám đốc) nhập vào Việt Nam qua cảng K - C. Hồ sơ khai báo với Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng K2 - C khai hàng hóa chứa trong container số hiệu TCNU4167624 là bình trang trí bằng sứ, kích thước 24x6 cm mới 100%. Lô hàng trên đã được Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng K2 - Chu Lai kiểm tra và thông quan ngày 22/5/2021, sau đó D thuê phương tiện vận chuyển hàng về kho tại phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Hồ sơ ban đầu D khai nhận phần lớn số hàng trong container số hiệu TCNU4167624 D đã bán cho bà Trần Thị Diễm H (trú tại: Số G N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 220.000.000 đồng, còn lại bán cho một số người khác với số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 250.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tạm giữ tại cơ sở kinh doanh của bà Trần Thị Diễm H (địa chỉ: số G N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) 87 thùng hàng là chén, bát, đĩa bằng sứ các loại đã qua sử dụng. Bà Trần Thị Diễm H khai bà H 02 lần (một lần cuối tháng 5/2021 và ngày 05/6/2021) mua hàng gốm sứ đủ loại của bị cáo Tăng Bá D với số tiền 220 triệu đồng và chuyển khoản cho bị cáo D 02 lần (lần một là 100 triệu, lần 2 là 120 triệu). Lô hàng ông D bán cho tôi vào ngày 05/6/2021 liên quan chén đĩa cũ giá rẻ tổng cộng khoảng 04 tấn được bỏ trong nhiều thùng cartông hiện nay đang được để tại cửa hàng của tôi tại địa chỉ số H đường N Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh”; “Anh Tăng Bá D dẫn tôi đi xem hàng tại kho của anh D ở Bình Dương. Khi xem hàng chén đĩa thì tôi thấy để trong kho và để dưới nền nhà

kho, không có container nào cả” (bút lục 3.388 - 3.391). Tại Bản trình bày (bút lục 3.392) bà H khai: “Tôi quen biết với ông Tăng Bá D cách đây khoảng hơn 01 năm thông qua việc mua hàng chén đĩa, bình hoa cũ của ông D... Tôi có đến kho của ông D tại Bình Dương 01 lần vào ngày 05/6/2021 để xem hàng và chốt giá mua hàng chén đĩa; khi thống nhất giá mua thì đến 20 giờ cùng ngày D cho xe tải chở hàng tới cho tôi...”.

[3.2] Lời khai của Tăng Bá D lúc 13h45 ngày 07/6/2021 tại Công an phường P, quận T, TP Hồ Chí Minh (bút lục 68): “từ ngày 19/5/2021 đến ngày 26/5/2021 tôi yêu cầu Đỗ Văn K sử dụng pháp nhân của Công ty T7 để làm thủ tục nhập cảnh một lô hàng gốm sứ (thùng côngtenno) nhập cảng K và một Contenno hàng quá cảnh loại hàng gốm sứ, cũng quá cảnh tại cảng K” phù hợp với lời khai của Đỗ Văn K - Phó Giám đốc Công ty TNHH T6 (Bút lục 3.399 - 3.401): “Tôi được Tăng Bá D thuê làm thủ tục các lô hàng quá cảnh, nhập khẩu tại cảng K - C, huyện N trong đó có lô hàng nhập khẩu ngày 21/5/2021, K giả chữ ký của Trần Đình T2 (cậu ruột D) - Giám đốc Công ty TNHH MTV T7 để ký vào các giấy giới thiệu đến cơ quan Hải quan để làm thủ tục quá cảnh, nhập khẩu hàng hóa”. Lời khai của Tăng Bá D lúc 15h10 ngày 07/6/2021 tại Công an phường P, quận T, TP Hồ Chí Minh (bút lục 71): “tôi xác định các hình ảnh hàng hóa gốm ly, chén, đĩa, nhiều bình cỡ các loại mà cơ quan Công an thu giữ tại nhà bà H, Tôi xác nhận tôi là người bán cho bà H các loại hàng hóa trên, tôi nhập vào Việt Nam ngày 21/5/2021 tôi khai là bình trang trí không đúng từng loại hàng hóa để giảm chi phí cho tôi”. Lời khai của Tăng Bá D lúc 17h00 ngày 07/6/2021 tại Công an phường P, quận T, TP Hồ Chí Minh (bút lục 72): “tôi xác định các hàng hóa nêu trên, một số mới, một số là cũ, theo tỷ lệ mới cũ 50%, tôi đã bán cho bà H các loại gồm bình trang trí, chén, bát, ly các loại với tổng số tiền 220 triệu đồng”. Lời khai của ông Đặng Văn K1 là lái xe (bút lục 1.665 - 1.667): “Vào ngày 21/5/2021 Công ty TNHH T9 có yêu cầu tôi điều khiển xe đầu kéo 43C-13918 vào cảng K - C, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để vận chuyển container hàng số hiệu (TCNU: 4167624) seal: p6598496 vào tỉnh Bình Dương”; “Vào ngày 21/5/2021 người đàn ông sử dụng thuê bao 0936002222 gọi điện cho tôi nói giấy tờ chưa xong ngày mai mới nhận hàng; vào ngày 22/5/2021 người đàn ông số thuê bao 0936.002.222 điện thoại tôi gặp tại cảng C... Lúc 16h30 ngày 22/5/2021 xe bắt đầu xuất phát vận chuyển hàng đi từ cảng C đến huyện P, tỉnh Bình Dương, lúc 23h59p ngày 23/5/2021 đến nơi, người đàn ông số thuê bao 0936.002.222 trực tiếp nhận hàng, hàng được bốc từ container xuống kho hàng, sau đó có xe tải nhỏ đến vận chuyển đi nơi khác; trong quá trình sang hàng xuống kho tôi có thấy mặt hàng là gốm sứ, đĩa, tô. Sau khi lấy xong hàng trên xe xuống vận chuyển container xong về trả lại cảng C và mang toàn bộ giấy tờ của người đàn ông số thuê bao trên về đưa lại Công ty T9. Người đàn ông sử dụng thuê bao 0936.002.222 khoảng 40 tuổi nói giọng S...”. Tại các bút lục số 626 - 627, bị cáo Tăng Bá D nhắn tin với một người tên “Hadn” nội dung tin nhắn thể hiện bị cáo D nhập công ngày 21/5/2021: “15 tấn nhưng có 8 tấn là gốm cũ”; “Thì gốm không phân biệt được cũ mới”; “Em mua hàng tồn kho nên có hộp ít lắm anh”; “Đúng đồ gốm nhưng có bình bóng 30%”.

Với các tài liệu, chứng cứ trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét đủ căn cứ xác định 87 thùng hàng là chén, bát, đĩa bằng sứ các loại đã qua sử dụng mà Cơ quan điều tra tạm giữ tại cửa hàng của bà **Trần Thị Diễm H** là hàng chứa trong Container số hiệu TCNU4167624 do bị cáo **Tăng Bá D** nhập vào Việt Nam nên không chấp nhận khai nại này của bị cáo **Tăng Bá D**.

[4] Đối với khai nại của bị cáo **Tăng Bá D** tại phiên tòa cho rằng bị cáo **D** có để số tiền 3,2 tỷ đồng trong cốp xe ô tô Biển kiểm soát 51H-35816, Điều tra viên khi thu giữ xe ô tô không lập biên bản thu giữ số tiền này mà tự ý chiếm đoạt, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy trong quá trình tố tụng, bị cáo **D** có đơn khiếu nại về hành vi của Điều tra viên **Công an tỉnh Q**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam không vô tư, khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã có Công văn số 154/VKS-P3 ngày 26/6/2024 về việc xử lý đơn khiếu nại của bị cáo **D** và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam cũng đã có Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung về nội dung khiếu nại hành vi tố tụng của Điều tra viên. Kết quả điều tra, xác minh không có căn cứ để xác định Điều tra viên, Kiểm sát viên không vô tư, không khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ như nội dung khiếu nại của bị cáo **D** nên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo **D** nêu lại vấn đề này, nhưng bị cáo **D** và Luật sư bào chữa cho bị cáo **D** đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh. Tại Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp lập lúc 18 giờ ngày 07/6/2021 và Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập lúc 19 giờ 30 phút ngày 07/6/2021 lập tại **Công an phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh** thể hiện tạm giữ, niêm phong tài sản của **Tăng Bá D**: “*Tờ Polime mệnh giá 500.000 đồng: 19 tờ; mệnh giá 50.000 đồng: 1 tờ; mệnh giá 20.000 đồng: 1 tờ; mệnh giá 10.000 đồng: 3 tờ; mệnh giá 2.000 đồng: 5 tờ; mệnh giá 1.000 đồng: 2 tờ...Đồ vật gồm: 3 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, 01 điện thoại Nokia cũ đã qua sử dụng; xe ô tô con nhãn hiệu Mercedes Benz biển kiểm soát 51H-358.16*”, bị cáo **Tăng Bá D** ký và ghi tên (bút lục 21-23); xét, 2 Biên bản này bị cáo không trình bày về số tiền 3, 2 tỷ đồng (của bị cáo nếu có để trong xe ô tô), trong khi tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng cũng được liệt kê nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận khai nại này của bị cáo **D**.

[5] Từ các chứng cứ, tài liệu trích dẫn và phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đủ cơ sở kết luận lợi dụng việc hàng nhập khẩu từ Nhật Bản sang nước Lào quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, **Tăng Bá D** liên hệ với các đối tượng là người Việt Nam đang sinh sống tại Nhật Bản gom hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng cũ (đã qua sử dụng) tại Nhật Bản bán cho **D** về tiêu thụ tại thị trường Việt Nam để kiếm lời. Cụ thể từ ngày 21/5/2021 đến ngày 08/6/2021, bị cáo **Tăng Bá D** đã nhập 04 container hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, chén, bát, đĩa bằng sứ các loại đã qua sử dụng nhưng khai báo với **Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng K2** - Chu Lai hàng hóa chứa trong container là bình trang trí bằng sứ, hàng mới 100%; trong đó có 03 container hàng nhập lậu dưới hình thức hàng quá cảnh và 01 container hàng nhập khẩu thông qua **Công ty TNHH MTV T7**, tổng giá trị hàng buôn lậu 1.200.325.000 đồng (*một tỷ, hai trăm triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), gồm: giá trị hàng hóa nhập lậu của 03 container quá cảnh hàng điện

tử, điện lạnh, đồ gia dụng cũ đã qua sử dụng theo Kết luận giám định số 1523/ KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Nam là 950.325.000 đồng (*chín trăm năm mươi triệu, ba trăm hai lăm nghìn đồng*) và số tiền mà **Tăng Bá D** đã bán hàng 01 container nhập khẩu vào ngày 21/5/2021 cho **Trần Thị Diễm H** và những người khác với số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*). Hành vi nhập khẩu hàng hóa từ Nhật Bản về Việt Nam để buôn bán và khai báo với **Chi cục Hải quan cảng K2, huyện N, tỉnh Quảng Nam** không đúng chủng loại và hàng hóa thuộc danh mục cấm nhập khẩu theo quy định tại mục 4, phần II, phụ lục số 1 Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương với số tiền 1.200.325.000 đồng (*một tỷ, hai trăm triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo **Tăng Bá D** phạm vào “*Tội buôn lậu*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, không oan.

Mức hình phạt “*Tội buôn lậu*” quy định tại khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự là bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Bị cáo **Tăng Bá D** nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét trước khi phạm tội bị cáo **D** có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong giai đoạn đầu quá trình điều tra bị cáo **D** thành khẩn khai báo, nhưng sau đó thay đổi lời khai và cho rằng hành vi của mình không đủ yếu tố cấu thành tội buôn lậu và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi nhưng cho rằng hành vi của mình không phạm tội buôn lậu; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 03 con nhỏ, vợ không có việc làm ổn định; hậu quả của vụ án đã được ngăn chặn kịp thời, hầu hết các lô hàng đã được thu giữ nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo **Tăng Bá D** 12 năm tù về “*Tội buôn lậu*” là mức khởi điểm của khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo và giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm. Bị cáo **D** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ

sung năm 2017) xử phạt bị cáo **Tăng Bá D** 12 (mười hai) năm tù về “*Tội buôn lậu*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/6/2021.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Bị cáo **Tăng Bá D** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Kim Nhân